

Bản án số: 32/2020/HS-ST
Ngày: 20/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ -TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Hn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Cảnh, nghề nghiệp: Giáo viên.

2. Ông Võ Thanh Bình, nghề nghiệp: Cán bộ Đoàn thanh niên.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Nga, *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà tham gia phiên toà:
Ông Bùi Đ Lâm, Kiểm sát viên.

Hôm nay, vào hồi 08 giờ ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở- Toà án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2020/TLST-HS, ngày 16 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên **Cao Xuân T**, sinh ngày 07/8/1998; Giới tính: Nam.

Tại xã N, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh .

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 6/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Cao Văn B, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976.

Anh, chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Vợ (sống chung như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn) với chị Nguyễn Thị T T, sinh năm 2002.

Con: Chưa có.

*Tiền án, tiền sự: Không.

*Nhân thân: Ngày 21/01/2013 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh ra quyết định số 402 đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục thời gian 18 tháng, đã thi hành xong tháng 11/2014.

*Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 31/3/2020 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

2. Họ và tên **Nguyễn Văn O** (Tên gọi khác Nguyễn Quang O), sinh ngày 01/5/1995; Giới tính: Nam.

Tại xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 và bà Cao Thị Y, sinh năm 1967.

Anh, chị em ruột: có 04 người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Vợ, con: Chưa có.

*Tiền án: Có 02 tiền án, cụ thể: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35/2017/HSST, ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Tại bản án hình sự sơ thẩm số 472/2018/HSST, ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích.

*Tiền sự: Không.

*Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 31/3/2020 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

3. Họ và tên **Nguyễn Hữu H**, sinh ngày 01/4/2004; Giới tính: Nam.

Tại xã TLH, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi cư trú: Thôn T, xã TLH, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 8/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974.

Anh, chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

*Vợ, con: Chưa có.

*Tiền án, tiền sự: Không.

*Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 31/3/2020 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

*Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hữu H:

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974. *(Có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn T, xã TLH, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu H có ông **Nguyễn Khánh Toàn** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung T Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh *(Có mặt)*.

***Người bị hại:**

1. Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1980; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi cư trú: Xóm 4, xã Tiên Yên, huyện Hi Đ, thành phố Hà Nội. Chị T uỷ quyền cho chị Dương Thị Thuỷ, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn Yên Trung, xã TLH, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh tham gia tố tụng. *(Có mặt)*

2. Chị **Trần Thị Huyền Trang**, sinh năm 2000; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi cư trú: Thôn Trung H, xã TLH, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Chị **Nguyễn Thị Thuý Anh**, sinh năm 1991; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường Đại Nài, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Anh **Nguyễn Giáp Đô**, sinh năm 2002;

Nơi cư trú: Thôn Sông H, xã Thạch Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

(Chị Trang, chị Anh và anh Đô có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1974; Nghề nghiệp: Lao động tự do. *(Có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn T, xã TLH, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Anh **Nguyễn Tự Đ**, sinh năm 1994; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Thạch V, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

(Anh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

3. Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1989; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Thôn Thanh L, xã Đình Bàn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

(Anh Nguyễn Văn D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

4. Anh **Dương Văn D**, sinh năm 1986; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Số nhà 197, đường Nguyễn B, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

(Anh Dương Văn D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

5. Anh **Ngô Phúc L**, sinh năm 2000; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

(Anh L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

6. Anh **Nguyễn Hữu H**, sinh năm 2001; Nghề nghiệp: Lao động tự do *(Có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn T, xã TLH, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

***Đại diện Ủy ban nhân dân xã TLH, huyện Thạch Hà:**

Bà **Trần Thị Yên**, chức vụ: Phó

Chủ tịch. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 25/3/2020 đến ngày 29/3/2020 các bị cáo Cao Xuân T, Nguyễn Văn O và Nguyễn Hữu H đã nhiều lần cùng nhau sử dụng xe mô tô để đi cướp giật tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 25/3/2020, Cao Xuân T, nói với Nguyễn Văn O và Nguyễn Hữu H là “*Tý ta đi làm hè*” ý của T là rủ O và H đi cướp giật tài sản. O và H hiểu ý T là rủ đi cướp giật tài sản, nên đồng ý. Đến khoảng 17

giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38H6-5401 chở Nguyễn Văn O ngồi phía sau, còn Nguyễn Hữu H một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38M1-361.32. Trên đường đi thì O chuyển sang ngồi sau xe mô tô do H điều khiển. Khi đi đến khu vực chợ Chiều thuộc địa phận xã TLH, huyện H, thì T phát hiện thấy chị Nguyễn Thị T, trú tại xóm 4, xã Tiên Yên, huyện Hi Đ, Hà Nội điều khiển xe máy điện ngược chiều, trên tay đang cầm 01 chiếc điện thoại di động. Thấy vậy, T điều khiển xe mô tô quay trở lại, đồng thời nói với O và H “*có cái máy này để lấy này*”, H hiểu ý nên điều khiển xe mô tô quay trở lại theo T, khi cả bọn đi đến chỗ chị T nhưng thấy đông người nên H lái xe đi thẳng còn T dừng xe mô tô lại bên đường. Khi chị Nguyễn Thị T điều khiển xe máy điện đi qua, T điều khiển xe mô tô vượt lên giật lấy chiếc điện thoại di động của chị T, rồi điều khiển xe bỏ chạy. Khi thấy T đã cướp giật được điện thoại di động của chị T thì O nói với H “*T giật được rồi, chạy đi*”, nên H điều khiển xe mô tô chạy theo, trên đường về T nói với H và O “*Khi này giật được cái OPPO*”. Sau đó, T đưa chiếc điện thoại di động OPPO F11 PRO vừa cướp được đi đến cửa hàng điện thoại di động “D Nguyễn” ở phường Hà Huy Tập, thành phố H, tại đây T bán cho anh Nguyễn Văn D, với giá là 3.200.000 đồng. T đưa cho H số tiền 500.000 đồng, còn lại 2.700.000 đồng T, O và H cùng nhau tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chiếc điện thoại di động nói trên, anh Nguyễn Văn D đã bán cho một khách qua đường với giá 3.200.000đ nhưng không rõ địa chỉ, nên không thu giữ được.

Theo kết luận số 15/KLĐG, ngày 27/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thạch Hà thì chiếc điện thoại di động OPPO F11 PRO nói trên có trị giá là 3.200.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 18 giờ 15 phút ngày 26/3/2020, khi Cao Xuân T và Nguyễn Văn O đang ở cùng nhau, O nói với T “*Ta đi làm hè*”, T đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38H6-5401 chở O ngồi phía sau, khi đi đến khu vực quán Karaoke Hương Trà thuộc địa phận xã TLH, huyện H, phát hiện thấy chị Trần Thị Huyền T đang điều khiển xe mô tô, trên tay cầm 01 điện thoại di động Iphone 7Plus. Thấy vậy, T tăng ga, điều khiển xe mô tô chạy lên áp sát xe của chị Trang, lúc này O dùng tay giật lấy chiếc điện thoại di động của chị T rồi tăng ga bỏ chạy theo hướng đi vào huyện Cẩm Xuyên. Sau đó, T đã bán chiếc điện thoại này cho anh Ngô Phúc L, trú tại xã C, huyện C với số tiền là 1.500.000 đồng. Số tiền này T và O đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi vụ án bị phát hiện, anh Ngô Phúc L đã tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại di động Iphone7Plus nói trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Hà.

Theo kết luận số 15/KLĐG ngày 27/4/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thạch Hà thì chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus nói trên có trị giá là 1.200.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 18 giờ ngày 29/3/2020, khi cả 03 người đang ở cùng phòng trọ thì Cao Xuân T nói với O và H “*Đi vòng hè*” O và H đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38M1-361.32 chở T, còn O một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38H6-5401. Trên đường đi thì O giao xe mô tô cho T, rồi chuyển sang ngồi phía sau xe mô tô do H điều khiển. Khi đi đến địa phận phường Hà Huy Tập, thành phố H (trước khu vực tòa nhà VINCOM) phát hiện thấy chị

Nguyễn Thị Thúy A đang ngồi trên chiếc xe máy điện dừng sát lề đường trên tay đang cầm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57. Thấy vậy cả bọn quay trở lại, khi H điều khiển xe mô tô đi ngang qua vị trí chị Thúy A đang ngồi thì O dùng tay giật chiếc điện thoại trên tay của chị A rồi bỏ chạy về phòng trọ cất dấu.

Mặc dù hành vi phạm tội của Cao Xuân T, Nguyễn Văn O và Nguyễn Hữu H tối ngày 29/3/2020 tại địa phận phường Hà Huy Tập, thành phố H là thuộc thẩm quyền xử lý của các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố H. Nhưng vì trong cùng một vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã căn cứ khoản 4 Điều 163 Bộ luật Tố tụng hình sự, chuyển tin báo nói trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Hà xử lý cùng vụ án.

Vụ thứ tư: Sau khi cướp giật được điện thoại của chị Nguyễn Thị Thúy A ở thành phố H thì Cao Xuân T, Nguyễn Văn O và Nguyễn Hữu H tiếp tục điều khiển xe mô tô đi ra thị trấn H. Khi đi đến khu vực Cầu Cúc cả bọn phát hiện thấy anh Nguyễn Giáp Đ đang ngồi trên xe máy điện dừng bên đường, trên tay đang cầm điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu trắng. T, O và H điều khiển xe mô tô quay trở lại, khi H điều khiển xe mô tô đi ngang qua vị trí anh Đ đang ngồi thì O dùng tay giật lấy chiếc điện thoại của anh Đ rồi bỏ chạy đi về phòng trọ ở thành phố H. Sau đó O đưa chiếc điện thoại di động VIVO vừa cướp giật được cho T cất giữ.

Sáng ngày 30/3/2020, O đưa chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 đến quán cầm đồ “Hng Anh” tại địa chỉ 197, đường Nguyễn B, thành phố H do anh Dương Văn D làm chủ, cầm được số tiền 300.000 đồng. O đưa cho T 100.000 đồng, còn lại 200.000 đồng dùng để mua khẩu trang và mua xăng cho hai xe mô tô hết. Còn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO cướp giật được của anh Nguyễn Giáp Đ thì T đem cho anh Nguyễn Hữu H (là anh trai của H) .

Sau khi vụ án bị phát hiện, anh Dương Văn D và anh Nguyễn Hữu H đã tự nguyện giao nộp lại hai chiếc điện thoại di động nói trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Hà.

Theo kết luận số 15/KLĐG, ngày 27/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thạch Hà thì chiếc điện thoại di động OPPO A57 có trị giá là 770.000 đồng và chiếc điện thoại di động VIVO có trị giá là 690.000 đồng.

Vật chứng thu giữ được, bao gồm: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE, loại 7 Plus, màu hồng, số IMEI: 359171077504419, máy đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại A57, màu vàng đồng, số IMEI 1:865259030272096, số IMEI 2:865259030272088, máy đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO, loại X6S plus D, màu trắng, số IMEI 1: 862025039690619, số IMEI 2: 862025039690601, máy đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, màu đen, màn hình có nhiều vết nứt vỡ, đã qua sử dụng, có gắn số thuê bao 0859.769.120; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITTEL, màu đen, số IMEI1: 359623091013249; Số EMEI2: 359623091013256; Số EMEISV: 1, đã qua sử dụng, có gắn số thuê bao 0362.614.748; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu NAORI, màu nâu, biển kiểm soát 38H6-5401, xe đã qua sử dụng (Kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe); 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn xanh đen bạc, biển kiểm soát 38M1-361.32, xe đã qua sử dụng (Kèm theo giấy chứng

nhận đăng ký xe); 01 mũ lưỡi trai màu đỏ, trên mũ có hàng chữ “Porsche”, đã qua sử dụng; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, có thêu dòng chữ “KOG”.

Đến ngày 17, 18 và 30/6/2020, xét thấy không ảnh hưởng đến công tác điều tra, truy tố, xét xử nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Hà đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu, cụ thể: Trả lại chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 7 Plus cho chị Trần Thị Huyền T; Trả lại chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO, loại X6Splus D cho anh Nguyễn Giáp Đ; Trả lại chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại A57 cho chị Nguyễn Thị Thúy A; Trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn xanh đen bạc, biển kiểm soát 38M1-361.32 cho bà Nguyễn Thị N; Trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu NAORI, màu nâu, biển kiểm soát 38H6-5401 cho anh Nguyễn Tự Đ.

Còn lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, màu đen, bên trong có gắn số thuê bao 0859.769.120; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITTEL, màu đen, bên trong có gắn số thuê bao 0362.614.748; 01 mũ lưỡi trai màu đỏ và 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, có thêu dòng chữ “KOG”. Đến ngày 15/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà đã ra quyết định chuyển số vật chứng này từ cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Hà đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Hà để quản lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt thì các bị hại gồm chị Trần Thị Huyền T, chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Nguyễn Giáp Đ không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với bị hại Nguyễn Thị T do không thu giữ được tài sản là chiếc điện thoại di động OPPO F11 PRO nên đã ủy quyền cho chị Dương Thị T, trú tại thôn Yên Trung, xã TLH, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đại diện yêu cầu các bị cáo bồi thường trị giá thiệt hại chiếc điện thoại với số tiền 3.000.000 đồng. Đến nay, gia đình bị cáo Nguyễn Hữu H đã tự nguyện bồi thường cho chị T số tiền là 3.000.000 đồng, hiện chị Thủy không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Ngoài ra những người có liên quan gồm anh Dương Văn D là chủ cửa hàng cầm đồ Hng Anh ở 197, đường Nguyễn B, thành phố H; Anh Ngô Phúc L trú tại xã C, huyện C cũng không có yêu cầu bồi thường gì về phần dân sự.

Bản cáo trạng số 31/CT-VKSTH, ngày 15/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà đã truy tố các bị cáo Cao Xuân T và Nguyễn Hữu H về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS; Bị cáo Nguyễn Văn O về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d và điểm i khoản 2 Điều 171 BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố, đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân các bị cáo và đề nghị HĐXX xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 58; Điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Cao Xuân T mức án từ 48 tháng tù đến 54 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/3/2020. Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 58; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn O mức án từ 60 tháng đến 66 tháng, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/3/2020. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171;

Điều 17; Điều 58; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 90; Điều 91 và Điều 101 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H mức án từ 18 tháng đến 24 tháng, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/3/2020. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEL thu giữ của bị cáo Nguyễn Hữu H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL của bị cáo Cao Xuân T. Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại có số thuê bao là 0859.769.129 và 0362.614.748; 01 mũ lưỡi trai màu đỏ; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng.

Về khoản tiền thu lợi bất chính: Truy thu từ bị cáo Cao Xuân T số tiền 850.000đ, bị cáo Nguyễn Văn O số tiền 950.000đ tiền thu lợi bất chính.

Về án phí: Các bị cáo Cao Xuân T, Nguyễn Văn O pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo Nguyễn Hữu H khi phạm tội đang là trẻ em nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Khánh Toàn phát biểu bài bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu H với nội dung Trợ giúp viên Hn toàn đồng tình với quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo Nguyễn Hữu H. Đối với phần hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo tham gia trong vụ án với vai trò đồng phạm giúp sức, khi phạm tội đang là trẻ em, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động với gia đình bồi thường hậu quả thiệt hại cho người bị hại, Hn cảnh gia đình có nhiều khó khăn, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền chị Thủy đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất có thể để vừa răn đe, vừa giáo dục bị cáo, tạo cho bị cáo cơ hội để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa, các bị cáo Cao Xuân T, Nguyễn Văn O và Nguyễn Hữu H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát là đúng.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hữu H không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa chị Dương Thị Thủy người được bị hại ủy quyền Hn toàn đồng tình với quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên và không có ý kiến gì tranh luận thêm, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Hữu H.

Tại phiên tòa người những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị N và anh Trần Văn H không có kiến gì tranh luận lại với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Hữu H.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Yên đại diện chính quyền Ủy ban nhân dân xã TLH trình bày: Quá trình sinh sống tại địa phương bản thân và gia đình bị cáo Nguyễn Hữu H luôn chấp hành đầy đủ các quy định của địa phương, từ trước đến nay bị cáo

cũng chưa hề vi phạm pháp luật, gia đình thuộc diện khó khăn, bị cáo phạm tội là do nhận thức pháp luật có phần hạn chế do bị rủ rê lôi kéo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để xử phạt bị cáo một mức án phù hợp vừa có tính răn đe lại vừa có tính giáo dục đối với bị cáo.

Bị cáo Cao Xuân T nói lời sau cùng: Kính thưa Hội đồng xét xử bị cáo đã nhận thức được sai phạm của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn O nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Hữu H nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, Trợ giúp viên pháp lý, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay các bị cáo Cao Xuân T, Nguyễn Văn O và Nguyễn Hữu H khai nhận trong khoảng thời gian từ ngày 25/3/2020 đến ngày 29/3/2020, trên các tuyến đường thuộc địa phận các xã TLH, thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà và phường Hà Huy Tập, thành phố H các bị cáo Cao Xuân T, Nguyễn Văn O và Nguyễn Hữu H đã nhiều lần cùng nhau sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản”, trong đó bị cáo T và O thực hiện 04 lần, còn bị cáo H thực hiện 3 lần. Tổng trị giá tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của 04 người bị hại với tổng số tiền 5.860.000đ. Riêng bị cáo Nguyễn Hữu H tham gia 3 lần với giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.660.000đ. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay Hn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Các bị cáo Cao Xuân T, Nguyễn Văn O và Nguyễn Hữu H là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Các bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện để cướp giật tài sản của những người đi đường thuộc trường hợp sử dụng “thủ đoạn nguy hiểm” nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; Bị cáo O bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng định khung là tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 BLHS. Điểm d, i khoản 2 Điều 171 BLHS quy định: “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 đến

10 năm: d. “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*”, i. “*Tái phạm nguy hiểm*”. Vì vậy, khẳng định quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai.

[3]. Xem xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội Hội đồng xét xử xét thấy rằng hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội bất chấp hậu quả xảy ra bất chấp cả sự trừng trị của pháp luật. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật hình sự ghi nhận và bảo vệ, gây T lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an xã hội và tác động xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất đồng phạm giản đơn trong đó, bị cáo Cao Xuân T giữ vai trò chính, là người rủ rê khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi và chuẩn bị phương tiện để thực hiện việc cướp giật tài sản. Bị cáo Nguyễn Văn O và Nguyễn Hữu H là những người thực hành tích cực. Xét về nhân thân bị cáo T và O là những người có nhân thân xấu, trong đó bị cáo T từng bị đưa vào trường giáo dưỡng, bị cáo O có 02 tiền án về các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vì thế, khi quyết định hình phạt cũng cần pH phân hóa vai trò trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh coi thường pháp luật, vì vậy, cần thiết pH có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện. Cần pH cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, nhằm thức tỉnh ý thức tôn trọng chấp hành pháp luật của các bị cáo, góp phần đấu tranh, phòng ngừa ngăn chặn đối với loại tội phạm này.

[4]. Về xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên, bị cáo T có thêm tình tiết tăng nặng là xúi dục người chưa thành niên phạm tội. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 BLHS. Các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, bị cáo H có thêm tình tiết giảm nhẹ đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả thiệt hại, thời điểm phạm tội bị cáo đang ở độ tuổi vị thành niên mới chỉ mới 15 tuổi 11 tháng 25 ngày, người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng hơn nữa có bị cáo H là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại chị Trần Thị Huyền Trang, chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Nguyễn Giáp Đương mất nhưng qua hồ sơ thể hiện đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là các điện thoại I Phone 7Plus, OPPO loại A57, VIVO loại X6S plus hiện không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với bị hại chị Nguyễn Thị T đã ủy quyền cho chị Dương Thị Thủy yêu cầu các bị cáo pH bồi thường chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F11PRO với số tiền 3.000.000đ. Nay gia đình bị cáo cáo Nguyễn Hữu H đã

tự nguyện bồi thường số tiền này, tại phiên tòa chị T cũng không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Ngoài ra, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm anh Dương Văn D và anh Ngô Phúc L là những người đã nhận cầm và mua lại các điện thoại di động do các bị cáo đem bán, nay anh D và anh L cũng không có yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền này nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với số tiền 3.000.000đ mà bị cáo Nguyễn Hữu H tác động với gia đình để bồi thường cho người bị hại chị Nguyễn Thị T, tại phiên tòa bị cáo H và đại diện hợp pháp của bị cáo H bà Nguyễn Thị N đã cho 02 bị cáo T và O số tiền mà gia đình bị cáo H đã bỏ ra để bồi thường cho người bị hại. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về tiền thu lợi bất chính: Tại phiên tòa bị cáo Cao Xuân T khai nhận nhận, sau khi cướp giật được chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11PRO của chị Nguyễn Thị T, T đã đem bán cho Nguyễn Văn D với giá 3.200.000đ. Chiếc điện thoại này sau đó anh D cũng đã bán lại cho một người khách qua đường với số tiền 3.200.000đ, hiện nay không thu giữ được. Số tiền này các bị cáo đã chia nhau tiêu xài hết, nay đại diện gia đình bị cáo H đã tự nguyện bỏ ra số tiền 3.000.000đ để bồi thường cho người bị hại chị Nguyễn Thị T. Tại phiên tòa chị Dương Thị Thủy người đại diện theo ủy quyền của chị T cũng không yêu cầu các bị cáo pH bồi thường gì thêm. Bà Nguyễn Thị N đại diện hợp pháp của bị cáo H cũng đã tự nguyện cho các bị cáo T và O số tiền mà bà đã bỏ ra để bồi thường cho bị hại. Các bị cáo T, O và H đã thực hiện việc bồi thường trách nhiệm dân sự cho chị Nguyễn Thị T, vì thế không truy thu số tiền 3.200.000đ từ các bị cáo T, O và H.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus mà T và O cướp giật của chị Trần Thị Huyền T, T đem bán cho anh Ngô Phúc L với giá 1.500.000đ số tiền này hai bị cáo T và O chia nhau tiêu xài. Còn chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A57 cướp giật được của chị Nguyễn Thị Thúy A bị cáo O đem cầm cho anh Dương Văn D được số tiền 300.000đ. Số tiền này Nguyễn Văn O đưa cho T 100.000đ còn 200.000đ O sử dụng vào mục đích cá nhân. Nay những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Ngô Phúc L và Dương Văn D không yêu cầu các bị cáo pH trả lại số tiền này, vì thế Hội đồng xét xử xét thấy cần truy thu số tiền thu lợi bất chính 1.800.000đ từ các bị cáo T và O để nộp Ngân sách Nhà nước. Trong đó, truy thu từ bị cáo Cao Xuân T số tiền 850.000đ, còn bị cáo Nguyễn Văn O số tiền 950.000đ.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô hiệu NAORI, màu nâu, Biển kiểm soát 38H6-5401, là tài sản thuộc sở hữu của anh Nguyễn Tự Đ cho bị cáo Cao Xuân T mượn. Còn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn xanh, đen, bạc, biển kiểm soát 38M1-361.32, là tài sản của bà Nguyễn Thị N mẹ ruột bị cáo H cho bị cáo mượn. Việc các bị cáo sử dụng 02 xe mô tô làm phương tiện phạm tội thì anh Đ và bà Nguyệt Hn toàn không biết nên không có cơ sở để xử lý đối với anh Đ, bà Nguyệt và xe mô tô. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng trao trả 02 xe mô tô nói trên cho chủ sở hữu. Sau khi nhận lại tài sản, anh Đ và bà Nguyệt không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ 02 điện thoại di động trong đó thu giữ của bị cáo Nguyễn Hữu H 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWAI, bên

trong có gắn thẻ sim có số thuê bao 0859.769.120 và thu giữ của bị cáo Cao Xuân T 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITTEL, bên trong gắn thẻ sim có số thuê bao 0362.614.748, xác định đây là các công cụ, phương tiện mà các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau để thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 02 chiếc thẻ sim có số thuê bao 0859.769.120 và 0362.614.748 không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 mũ lưỡi trai và 01 áo sơ mi dài tay màu trắng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn O tại phiên tòa bị cáo cũng không có nhu cầu nhận lại, hơn nữa các vật này cũng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[9]. Về án phí: Các bị cáo Cao Xuân T và Nguyễn Văn O pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Nguyễn Văn O khi phạm tội đang là trẻ em, tại phiên tòa đã có đơn xin miễn án phí vì thế Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Hữu H.

Liên quan trong vụ án này còn có, anh Nguyễn Văn D chủ cửa hàng điện thoại di động “D Nguyễn” là người đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 PRO; Anh Ngô Phúc L là người đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus; anh Dương Văn D là chủ cửa hàng cầm đồ Hng Anh, đã nhận cầm cố chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57; Anh Nguyễn Hữu H là người được Cao Xuân T cho chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, loại X6Splus đều là tài sản do Cao Xuân T và đồng bọn phạm tội mà có. Tuy nhiên, quá trình giao dịch mua bán, cho và cầm cố thì anh Nguyễn Văn D, anh Ngô Phúc L, anh Nguyễn Hữu H và anh Dương Văn D đều không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không đủ căn cứ để xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với những người này.

Đối với anh Nguyễn Tự Đ, sinh năm 1994, cho bị cáo Cao Xuân T mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38H6-5401 và bà Nguyễn Thị N cho con là Nguyễn Hữu H mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38M1-361.32, nhưng sau khi mượn xe các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội. Tuy nhiên, khi cho mượn xe thì anh Đ và bà Nguyệt không biết các bị cáo sử dụng xe mô tô để làm phương tiện phạm tội và cũng không được hưởng lợi gì nên không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với những người này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Về hình phạt:* Tuyên bố các bị cáo **Cao Xuân T, Nguyễn Văn O và Nguyễn Hữu H** phạm tội “**Cướp giật tài sản**”.

*Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 58; Điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo **Cao Xuân T 54** (*Năm mươi tư*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/3/2020.

*Căn cứ vào điểm d, i khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 58; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn O 60** (*Sáu*

mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/3/2020.

*Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 58; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 90, Điều 91 và Điều 101 BLHS xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu H 24** (Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/3/2020.

[3]. *Về áp dụng các biện pháp tư pháp:*

*Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS truy thu nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền 1.800.000đ, trong đó từ bị cáo Cao Xuân T số tiền 850.000đ (Tám trăm năm mươi ngàn đồng); Bị cáo Nguyễn Văn O số tiền 950.000đ (Chín trăm năm mươi ngàn đồng) tiền thu lợi bất chính.

*Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL (thu giữ của bị cáo Cao Xuân T); 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI (thu giữ của bị cáo Nguyễn Hữu H).

- Tịch thu tiêu hủy: 01(Một) mũ lưỡi trai, 01(Một) áo sơ mi dài tay màu trắng (thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn O); 01(Một) thẻ sim điện thoại di động có số thuê bao 0362.614.748 (thu giữ của bị cáo Cao Xuân T); 01(Một) thẻ sim điện thoại di động có số thuê bao 0859.769.120 (thu giữ của bị cáo Nguyễn Hữu H).

(Đặc điểm, tình trạng tang vật có tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/7/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Hà và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh)

[3]. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điểm đ, khoản 1 Điều 12; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử buộc các bị cáo Cao Xuân T và Nguyễn Văn O mỗi bị cáo pH chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm; Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Hữu H.

[4]. *Về quyền kháng cáo bản án:* Bị cáo, Đại diện hợp pháp của bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý, Bị hại, Đại diện hợp pháp của bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Công an huyện Thạch Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Hà;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Văn phòng Tòa án(để công bố công TTĐT)
- Lưu HSVA+VT.

Nguyễn Khắc Hn